TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:12/2025/HS-ST
Ngày 18-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nguyệt

2. Ông Nguyễn Hữu Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn E, sinh năm 1985 tại xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nghề ngQ: Tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y; có vợ, 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ, tạm giam từ 28/09/2024 đến nay (có mặt).

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Bùi Văn K, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Số 2 đường T, phường Z, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện Lục Nam, Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyễn Văn E, sinh năm 1985 trú tại thôn B, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang làm nghề bán hàng đa cấp nên cần phương tiện để đi lại, tiếp thị hàng. Trước đó E có quen biết anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 trú tại thôn B, xã H, huyện Lạng Giang, biết anh Đ có xe ô tô nhãn hiệu Lifan, màu sơn nhũ bạc, biển số 30F-5952 dùng để chở khách và cho thuê tự lái, E đã nhiều lần thuê xe của anh Đ để đi tiếp thị hàng đa cấp. Khoảng tháng 6 năm 2015, E đến nhà anh Đ đặt vấn đề thuê xe ô tô để phục vụ công việc, do quen biết và tin tưởng nên anh Đ đồng ý. Khi thuê xe ô tô hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản mà chỉ Đ thuận miệng, hàng tháng E trả anh Đ 10.000.000 đồng, sau khi trả tiền mới được thuê xe tiếp. Đ thuận xong, anh Đ đưa E đến gara ô tô Quốc Dân tại thôn Mẫu Sơn, xã Chu Điện, huyện Lục Nam để giao xe (xe anh Đ đang bảo dưỡng tại đây), khi nhận xe E chưa có tiền trả nên hẹn trả tiền thuê xe sau, anh Đ đồng ý. Sau khi thuê xe do không có tiền chi tiêu cá nhân, nhập hàng hóa nên E nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô thuê của anh Đ. E gọi điện cho Nguyễn Đức Q, sinh năm 1990 làm nghề kinh doanh khách sạn và kinh doanh cầm đồ lấy tên "Đức Q", tại số 2 đường T, phường Z, thành phố Bắc Giang trao đổi cầm cố xe ô tô, Q bảo E đến khách sạn Kim Liên trao đổi trực tiếp. E điều khiển xe ô tô biển số 30F-5952 đi đón Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988, trú tại thôn Đọ, xã Tân Tiến, thành Phố Bắc Giang (là bạn gái E) ở cổng siêu thị BigC, thành phố Bắc Giang để đi cùng đến khách sạn Kim Liên. Tại đây, E thoả thuận cầm cố cho anh Q chiếc xe ô tô biển số 30F-5952 được 40.000.000 đồng và E viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 21/7/2015 với số tiền 40.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 21/7/2015 đến 21/8/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 30F-5952, sau khi nhận tiền E để lại xe cho anh Q quản lý, tiếp đó E đưa cho chị Đ số tiền 10.000.000 đồng nhờ trả tiền thuê xe cho anh Đ, số tiền còn lại E dùng nhập hàng, chi tiêu cá nhân hết. Đến hạn không có tiền chuộc xe để trả cho anh Đ nên E tiếp tục gọi điện thoại cho anh Đ đặt vấn đề thuê xe tiếp, anh Đ đồng ý.

Sau khi cầm cố xe không có phương tiện đi lại, E biết anh Bùi Văn K, sinh năm 1981 trú tại thôn X, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có chiếc xe ô tô nhãn hiệu HAIMA M3, màu sơn ghi, biển số 98A-069.71 nên ngày 10/7/2015, E đến nhà anh K đặt vấn đề thuê xe ô tô của anh K trong thời hạn 01 tháng để đi bán hàng, anh K đồng ý. Hai bên Đ thuận, làm hợp đồng thuê xe nội dung: "Anh K cho E thuê xe ô tô biển số 98A-069.71 trong thời hạn một tháng từ ngày 10/7/2015 đến ngày 10/8/2015, giá thuê xe là 15.000.000 đồng/tháng, cứ 10 ngày E phải mang xe đến để anh K kiểm tra một lần". Sau đó, anh K bàn giao xe cùng giấy tờ cho E, do không còn tiền nên E trả trước anh K số tiền 8.000.000 đồng, số tiền còn lại trả sau, anh K đồng ý. Sau khi nhận xe, E điều khiển đến cổng siêu thị BigC, thành phố Bắc Giang đón chị Đ cùng đi xuống Hải Dương để tiếp thị hàng đa cấp. Do không có tiền để chi tiêu và đến thời hạn trả tiền thuê xe cho Đ nên E nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô thuê của anh K. Ngày 19/7/2015, E lái xe ô tô biển số 98A-069.71 chở chị Đ đến khách sạn Kim Liên gặp anh Q. Tại đây E tiếp tục đề nghị cầm cố chiếc xe trên cho anh Q với số tiền 170.000.000 đồng, anh Q đồng ý. E viết giấy vay tiền đề ngày 19/7/2015 với số tiền 170.000.000

đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 19/7/2015 đến 19/8/2015, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HAIMA M3, màu sơn ghi, biển số 98A-069.71, đồng thời E chuộc chiếc xe ô tô Lifan biển số 30F-5952 của anh Đ ra để làm phương tiện đi lại. Sau đó anh Q đưa cho E số tiền 127.600.000 đồng (đã trừ tiền chuộc xe 40.000.000 đồng và tiền trả lãi 2.400.000 đồng), E giao xe ô tô biển số 98A-069.71 cho anh Q và điều khiển xe ô tô biển số 30F-5952 đi về, số tiền cầm cố xe E dùng để mua hàng, chi tiêu cá nhân. Ngày 20/7/2015, E điều khiển xe ô tô biển số 30F-5952 cùng Đ đến quán cơm tại ngã tư Vôi, huyện Lạng Giang gặp anh Đ để đặt vấn đề thuê xe tiếp thì anh Đ đồng ý cho thuê tiếp trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 04/7/2015 đến 04/8/2015, E trả trước 5.000.000 đồng tiền thuê xe và xin nợ lại 5.000.000 đồng, anh Đ đồng ý. Đến ngày 21/7/2015, E gọi điện thoại cho anh Q đặt vấn đề tiếp tục cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Lifan, biển số 30F-5952, sau đó E điều khiển xe ô tô biển số 30F-5952 đến cầm cố cho Q với số tiền 40.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, hai bên cũng viết giấy vay tiền và chữ ký xác nhận. Nhận tiền xong E cùng chị Đ sang Lào chơi và tìm nguồn hàng đa cấp.

Ngày 04/8/2015, hết hạn thuê xe, chưa thấy E mang xe, tiền đến trả, anh Đ đã liên lạc với E nhưng không liên lạc được. Sau đó, anh Đ phát hiện chiếc xe ô tô của anh đã bị E cầm cố cho anh Q. Anh Đ đã làm đơn trình báo Công an thành phố Bắc Giang giải quyết. Ngày 26/8/2015, Công an thành phố Bắc Giang đã chuyển đơn của anh Đ đến Công an huyện Lục Nam để giải quyết theo thẩm quyền.

Khi đến thời hạn không thấy E mang xe về trả, anh K liên lạc với E thì được E thông báo đã cầm cố chiếc xe của anh K cho Q tại khách sạn Kim Liên ở thành phố Bắc Giang để lấy số tiền 170.000.000 đồng và không có khả năng chuộc trả. Anh K đến Công an huyện Lục Nam để trình báo sự việc.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Nam đã tạm giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu LIFAN, màu sơn Nhũ Bạc, biển kiểm soát 30F-5952; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 047603, biển số 30F-5952; 01 giấy chứng nhận kiểm định số sê ri (NO): KA-3789560 và 02 giấy vay tiền đề ngày 19, 21/7/2015 do Nguyễn Đức Q giao nộp; 01 Hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 10/7/2015 do Bùi Văn K giao nộp để phục vụ công tác điều tra.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Nam đã tiến hành định giá tài sản đối với 02 chiếc xe ô tô trên. Tại biên bản định giá tài sản ngày 17/9/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam, kết luận: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lifan, màu sơn nhũ bạc, biển số 30F-5952 có giá trị 91.000.000 đồng; 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu HAIMA M3, màu sơn ghi, biển số 98A-069.71 có giá trị 378.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 469.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Nam trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với 01 hợp đồng thuê xe ô tô và 02 giấy vay tiền. Tại bản Kết luận giám định số 2511/KL-KTHS ngày 27/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

1. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung "K - Bùi Văn K" dưới mục "Đại diện bên A" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Bùi Văn K trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M11) là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Đức Q dưới mục "Bên cho vay" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức Q trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M12 đến M17) là do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3 - trừ các nội dung đã kết luận ở trên) so với chữ ký cùng dạng, chữ viết của Nguyễn Văn E trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký, viết ra.

Đối với Nguyễn Văn E, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Nam đã khởi tố bị can và ra Quyết định truy nã. Do hết thời hạn điều tra không biết rõ E ở đâu, ngày 29/01/2016, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Văn E. Ngày 28/9/2024, khi E dùng tên giả là Nguyễn Như Hùng, sinh năm 1985, quê ở tỉnh Bắc Ninh đang làm bốc vác tại phường Mễ Trì, quận Nam Từ Niêm, thành phố Hà Nội thì Công an tỉnh Bắc Giang bắt giữ và bàn giao cho Công an huyện Lục Nam để giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn E đã tác động gia đình bồi thường cho anh Đ số tiền 110.000.000 đồng, anh Đ đã nhận số tiền trên và không yêu cầu, đề nghị E phải bồi thường gì thêm. Anh Bùi Văn K yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn E phải trả cho anh tổng số tiền 165.000.000 đồng (tiền thuê xe và tiền chuộc xe). Anh Nguyễn Đức Q yêu cầu bị cáo E phải trả số tiền vay gốc và lãi là 270.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu LIFAN, màu sơn Nhũ Bạc, biển kiểm soát 30F-5952; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 047603, biển số 30F-5952 và 01 giấy chứng nhận kiểm định số sê ri (NO): KA-3789560 cho anh Nguyễn Văn Đ. Đối với giấy vay tiền đề ngày 19/7/2015, 21/7/2015 và 01 Hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 10/7/2015 được lưu trong X sơ vụ án theo quy định.

Bản cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 15/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn E về "Tội lạm Đng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn E phạm "Tội lạm Đng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Áp Đng điều luật và xử phạt bị cáo như sau:

Áp Đng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn E với mức án từ 09 năm tù đến 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn E phải trả anh Nguyễn Đức Q 115.000.000 đồng, trả anh Bùi Văn K 165.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong X sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn E đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu ở trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong X sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 7 năm 2015, Nguyễn Văn E đã có hành vi thuê 02 chiếc xe ô tô tự lái gồm: xe ô tô nhãn hiệu Lifan, màu sơn nhũ bạc, biển số 30F-5952 trị giá 91.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Đ và xe ô tô nhãn hiệu HAIMA M3, màu sơn ghi, biển số 98A-069.71 có trị giá 378.000.000 đồng của anh Bùi Văn K để làm phương tiện đi lại. Tổng giá trị 02 xe ô tô là 469.000.000 đồng. Do không có tiền chi tiêu, E đã mang 02 chiếc xe ô tô trên đi cầm cố lấy tiền chi tiêu dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Sau khi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn E bỏ trốn, đến ngày 28/9/2024 thì bị bắt truy nã.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn E đã đủ yếu tố cấu thành "Tội lạm Đng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn E đã xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần phải áp Đng mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác Đng giáo Đc riêng, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội lần này bị cáo là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn E phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại là anh Nguyễn Văn Đ, anh Đ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy nhất thiết phải cách Y bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo Đc bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Trên cơ sở các tài liệu có trong X sơ vụ án, lời khai bị cáo tại phiên tòa, bị cáo không thuộc diện gia đình hộ nghèo, cận nghèo, nhưng xác định điều kiện kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn, bị cáo còn phải trả cho những người bị hại một khoản tiền lớn, nên miễn áp Đng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị Y đã bồi thường cho bị hại là anh Nguyễn Văn Đ 110.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Đ không có yêu cầu gì thêm, bà Nguyễn Thị Y cũng không có yêu cầu gì đối với bị cáo, nên không đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Bùi Văn K yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền thuê xe và tiền chuộc xe là 165.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận. Bởi đây là số tiền bị cáo thuê xe của anh Bùi Văn K như các bên Đ thuận là 15.000.000 đồng/tháng x 05 tháng 06 ngày (từ ngày 10/07/2015 đến ngày 16/12/2015) = 73.000.000 đồng, trừ đi số tiền 8.000.000 đồng bị cáo đã trả trước cho anh K, còn 65.000.000 đồng + với số tiền 95.000.000 đồng anh Bùi Văn K chuộc xe ô tô với anh Nguyễn Đức Q. Bị cáo Nguyễn Văn E đồng ý trả anh K số tiền trên. Vì vậy, buộc bị cáo Nguyễn Văn E phải trả anh Bùi Văn K số tiền là 165.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Đức Q yêu cầu bị cáo phải trả anh cả tiền gốc và tiền lãi là 270.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Q, bị cáo xác nhận anh Q đã đưa cho bị cáo E tổng số tiền các lần cầm cố 02 chiếc xe ô tô là 250.000.000 đồng, bị cáo chuộc xe lần thứ nhất đưa cho anh Q 40.000.000 đồng, còn 210.000.000 đồng, bị cáo chưa trả; anh Q đã nhận tiền chuộc xe ô tô BKS 98A-069.71 của anh Bùi Văn K là 95.000.000 đồng. Anh Q yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn E phải trả anh số tiền là 115.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý hoàn trả anh Nguyễn Đức Q số tiền trên. Như vậy, yêu cầu của anh Nguyễn Đức Q là có căn cứ. Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Văn E phải trả cho anh Nguyễn Đức Q số tiền là 115.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng gì nên không đặt ra xem xét.

[8] Đối với anh Nguyễn Đức Q là người nhận cầm cố 02 xe ô tô để cho E vay tiền và hành vi cho E vay tiền với lãi suất 2.000 đồng/01triệu/01 ngày. Quá trình điều tra

xác định khi nhận cầm cố Q không biết, E không nói là xe ô tô do phạm tội mà có; khi Q cho E vay tiền với lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày chưa vượt quá 100%/năm, số tiền thu lời bất chính là 2.400.000 đồng. Do đó hành vi của Q không cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và tội 'Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 201 và Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Đối với Nguyễn Thị Đ đi cùng E thuê xe của anh Đ, đến nhà Q để cầm cố 02 xe ô tô và được E nhờ đếm tiền cầm cố và 01 lần cầm tiền trả tiền thuê xe cho anh Đ. Quá trình điều tra xác định Đ không được E bàn bạc, không được hưởng lợi, không trực tiếp tham gia Đ thuận cầm cố xe, do đó không đồng phạm với bị cáo Nguyễn Văn E.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phạm tội nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5% án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị cáo phải trả cho các bị hại.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn E 09 (chín) năm tù về "Tội lạm Đng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 28/09/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn E phải trả anh Bùi Văn K số tiền là 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng); trả anh Nguyễn Đức Q số tiền là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Đ thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử Đng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn E phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Lưu X sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân